

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC8	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
2		RC5+VSP02	7:25	10+12	0+0		7+13	0+0	
3		RP1	7:25	22	0		22	0	
4		P2+P4	7:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
5		RP1+PPD	9:25	12+10	0+0		3+19	0+0	
6		VSP02	9:25	22	0		20	0	
7		RCDM+RC4+PPD	9:25	5+9+8	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
8		RC10+RP3	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
9		RP3+RC6	11:45	14+7	0+0		12+10	0+0	
10		RP3+RP1	13:45	19+2	0+0		2+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP3 - RC8	CREW: QVIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0358	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOÀNG THANH HOÀ	RP3	44	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	43	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
3	VOEVODCHENKOV N.V	RP3	36	1	7			103	KH-THAC	Russian
4	PHẠM HỮU THĂNG	RP3	38	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI NGỌC THIẾT*	RP3	41	1	6	6	105	74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	45	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	RP3	37	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÙNG	RP3	34-35	2	10			58	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TUẤN*	RP3						84	KHI	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	50	1	3			71	KHI	Vietnamese
11	HA VAN THUY	RP3	30	1	4			66	KHI	Vietnamese
12	BUI VAN PHU	RP3	84	1	3			70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	31	1	3			75	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						88	KHI	Vietnamese
15	LÊ HOANG ANH	RP3	42	1	6			64	KHI	Vietnamese
16	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	29	1	6			73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	49	1	8			77	KHI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	48	1	5	2	28	65	KHI	Vietnamese
19	PHẠM TUẤN KHANH	RP3	32-33	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN ĐỀ	RP3	25-26	2	19			53	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM KHANH	RP3	27	1	8	1	12	62	XAYLAP	Vietnamese
22	HUYNH NGỌC BÍCH*	RP3	39-40	2	9			76	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.582	24	141	9	145	16		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	1.582	24	141	9	145	22		
WEIGHT KG			1.582		141		145			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: RC5 - VSP02	CREW: DU'ONG - HTRUNG - QTRU'ONG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0362	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KURPASOV V.A	RC5						77	KH-THAC	Russian
2	TRINH VAN TIEN	RC5	39	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH PHU'ONG QUY	RC5	40	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TRUNG	RC5	44	1	9	1	17	80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HOANG TUNG	RC5	41,43	2	16	1	6	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN HUY	RC5	48	1	18			83	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO QUYET THANG	RC5	99	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN TUE	RC5	45	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
9	VU QUANG TUYEN	RC5	800	1	11			101	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRUNG SON	RC5	98	1	7			66	PSV	Vietnamese
11	LE THANH HAI *	VSP02	25-26	2	9			98	KH-THAC	Vietnamese
12	GURIN V.V	VSP02	13	1	6	2	25	103	KH-THAC	Russian
13	DO QUANG HUNG	VSP02	18-19	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG *	VSP02	23	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HIEP *	VSP02	11-12	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
16	DI'NH TRU'ONG PHI	VSP02	20	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO DUC CHU	VSP02	16	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC THACH	VSP02	24	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO DUC TRI	VSP02	17	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA LONG	VSP02	10	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH LE	VSP02	14-15	2	10			68	YTE	Vietnamese
22	NGUYEN MINH DAN	VSP02	27	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	10	755	10	90	2	23	7		
2	VSP02	12	874	16	94	2	25	13		
TOTAL		22	1.629	26	184	4	48	20		
WEIGHT KG			1.629		184		48			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: CAM-1	TO:RP1	CREW: HUNG - TTRUNG - VU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0366	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN NGOC ANH TUAN	RP1						72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO TRUNG KIEN	RP1						65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC HAI	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
4	TSOPANOV A.V	RP1	45	1	10	1	14	96	KH-THAC	Russian
5	HUYNH VAN THUAN	RP1	51-53	3	15			67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	39	1	5	2	35	77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG TUNG	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG TOAN	RP1	48	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
9	TAO QUANG NGAN	RP1	46-47	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG THỂ HAI	RP1	40	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN TRUONG	RP1	43	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	63	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TAM	RP1	54	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO HUNG HAI	RP1	36-37	2	15			74	ANTOAN	Vietnamese
15	VU XUAN TRUONG	RP1	59	1	10	1	12	65	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC ANH	RP1	61-62	2	21			91	ANTOAN	Vietnamese
17	LY XUAN TRUNG	RP1	57-58	2	20			65	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HUY	RP1	56	1	10	1	12	57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	38	1	5			104	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HỮU HA	RP1	41-42	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	49	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	50	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	22	1.632	25	187	5	73	22		
TOTAL		22	1.632	25	187	5	73	22		
WEIGHT KG			1.632		187		73			

GRAND TOTAL: 1.892 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: P2 - P4	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0368	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM TRỌNG NGHĨA	P2	15-16	2	16			92	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG ĐÔNG	P2	18	1	14	2	15	76	DUY LINH	Vietnamese
3	ĐẶNG TRỌNG DƯƠNG	P2	19	1	11			66	DUY LINH	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TRUNG	P2	17	1	14			64	DUY LINH	Vietnamese
5	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	64	1	4			72	KHI	Vietnamese
6	LUƠNG THANH VŨ	P4	11	1	6			81	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	13	1	2			64	KHI	Vietnamese
8	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	62	1	5			89	KHI	Vietnamese
9	ĐO ĐỨC LONG	P4	10	1	3			59	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHÚC	P4	61	1	5	2	25	69	KHI	Vietnamese
11	TRINH XUÂN HUYỀN	P4	63,59-60	3	11			80	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG THÈ HUY	P4	07	1	7			101	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÂM	P4	06	1	10			64	YTE	Vietnamese
14	ĐOÀN HOANG SƠN	P4	08-09	2	20			99	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	04	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HUY CHUÔNG	P4	01	1	8			54	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	12	1	6			67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ANH	P4	68	1	3			65	KHI	Vietnamese
19	PHẠM HỮU THỌ	P4	67	1	9			65	KHI	Vietnamese
20	HOANG THAI DƯƠNG	P4						77	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	03	1	4			74	KHI	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CÂN	P4	05	1	4			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	4	298	5	55	2	15	2		
2	P4	18	1.324	20	115	2	25	20		
TOTAL		22	1.622	25	170	4	40	22		
WEIGHT KG			1.622		170		40			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RP1 - PRD P2	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0359	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ MANH HÙNG	RP1	27	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH DÙNG	RP1	29-30	2	10			87	KH-THAC	Vietnamese
3	TRANG NGỌC HÙNG	RP1	28	1	16			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	25	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA QUY	RP1	22	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC DÙNG	RP1	24	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH CÔNG	RP1						59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THƯỢNG	RP1	33	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	RP1	23	1	7			80	PSV	Vietnamese
10	HÀ QUỐC VINH	RP1	31	1	5			69	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LOAN	RP1	32	1	5			46	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HUAN	RP1	26	1	4			73	PSV	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	59	1	6	3	55	85	KHI	Vietnamese
14	VŨ THANH BÌNH	PPD	58	1	5			80	KHI	Vietnamese
15	BUI THANH HAI	PPD	56	1	6			68	KHI	Vietnamese
16	HUYNH TÂN THÀNH	PPD	50-51	2	11			69	KHI	Vietnamese
17	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	53	1	4			75	KHI	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	52	1	5			83	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	57	1	5			72	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	55	1	5			72	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	49	1	8			85	KHI	Vietnamese
22	CAO NAM QUY	PPD	54	1	5			69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	12	824	12	79	0	0	3		
2	PRD P2	10	758	11	60	3	55	19		
TOTAL		22	1.582	23	139	3	55	22		
WEIGHT KG			1.582		139		55			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SON





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: VSP02	CREW: DUONG - HTRUNG - QTRUONG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0363	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM HUU DAT*	VSP02	57	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN PHU	VSP02	43	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG NHAT MINH	VSP02	46-47	2	13			80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUOC HOAN	VSP02	42	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	51	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG HUNG	VSP02	60	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MINH QUAN*	VSP02	45	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC DONG	VSP02	38	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN MINH DUC	VSP02	44	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HOANG	VSP02	49-50	2	12			96	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	53	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CHIEN THANG	VSP02	52	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THUY	VSP02	58	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG TAN*	VSP02	56	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM DUC TAI	VSP02	59	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG CUONG	VSP02	54	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN NGOC TU	VSP02	39	1	10			80	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HONG DUC	VSP02	55	1	4			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TIN	VSP02	48	1	8			58	PSV	Vietnamese
20	VU VAN CHUYEN	VSP02	41	1	7			65	PSV	Vietnamese
21	LE XUAN DAM	VSP02	0					70	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN AI	VSP02	40	1	4			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	22	1.570	23	137	0	0	20		
TOTAL		22	1.570	23	137	0	0	20		
WEIGHT KG			1.570		137		0			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THỊ HIÊN LƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:57
B.CARD: VANG-2	TO: RCDM - RC4 - PPD P2	CREW: HUNG - TTRUNG - VU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0367	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN DUY HUNG*	RCDM	08-09	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUY	RCDM	04	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VAN CONG	RCDM	06	1	7	1	16	85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG HIẾU	RCDM	07	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	05	1	5			73	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VIET THANH	RC4	24	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TUNG	RC4						79	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						74	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HAI ANH	RC4	25-26	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THUA THAI*	RC4	28	1	11	3	42	66	CODIEN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	RC4	30	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
12	MAI VAN TUONG	RC4	21	1	4	3	45	65	PSV	Vietnamese
13	TÔ HUU THANG	RC4	22-23	2	12			82	DK9	Vietnamese
14	LÊ QUANG LÊ	RC4	20,92	2	14			65	DK9	Vietnamese
15	LE HUY VINH*	PPD	89	1	5			64	KHI	Vietnamese
16	BUI VAN THOAI	PPD	86	1	3			73	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	92	1	3			56	KHI	Vietnamese
18	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	93	1	11			65	KHI	Vietnamese
19	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	88	1	5			69	KHI	Vietnamese
20	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	85	1	5			65	KHI	Vietnamese
21	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	87	1	5			72	KHI	Vietnamese
22	VŨ NGỌC TUÂN	PPD	90-91	2	14			63	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	5	368	6	43	1	16	5		
2	RC4	9	654	10	79	6	87	8		
3	PPD P2	8	527	9	51	0	0	9		
TOTAL		22	1.549	25	173	7	103	22		
WEIGHT KG			1.549		173		103			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: NAU-2	TO: RC10 - RP3	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0369	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ CÔNG TIẾN	RC10	34	1	10	2	40	75	ANTOAN	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN DƯƠNG	RP3	64-65	2	13			62	PVCHEM	Vietnamese
3	PHAN ĐỖ CHAU TUAN	RP3	63	1	17			103	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	74	1	7	1	20	81	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	66	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH CÔNG	RP3	57	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VĂN HIẾN	RP3	71	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	67	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	RP3	72	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	RP3	61	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUÂN HÙNG	RP3						71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3	70	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH HOÀI	RP3	62	1	3			107	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THANH LONG	RP3	60	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ANH DŨNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	58	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC OANH	RP3						62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	73	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ MẠNH ĐIỆP	RP3	68	1	12			76	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ NGỌC ANH	RP3	69	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THÈ PHONG	RP3	59	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	1	75	1	10	2	40	0		
2	RP3	21	1.492	18	122	1	20	22		
TOTAL		22	1.567	19	132	3	60	22		
WEIGHT KG			1.567		132		60			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯỜNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:RP3 - RC6	CREW: VTHẮNG - MTHAO - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0360	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	80	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	79	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TỈNH	RP3	88	1	6	2	21	79	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3						63	KHI	Vietnamese
5	TRỊNH QUANG HUY	RP3						70	KHI	Vietnamese
6	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	83	1	3			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	RP3	91-92	2	7			73	KHI	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	RP3	84-85	2	8			78	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG *	RP3	93-94	2	9			76	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CA	RP3	89-90	2	10			75	KHI	Vietnamese
11	ĐÀO HOÀNG NAM *	RP3	95-96	2	15			72	KHI	Vietnamese
12	VÕ TA HOÀN	RP3	76-77	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	78	1	3			78	PSV	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TUẤN	RP3	81	1	6			69	PSV	Vietnamese
15	BUI ĐỨC ANH	RP3	82	1	7			71	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	70	1	5	2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC HÀ *	RC6	71	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	73	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HOÀNG THÔNG	RC6	74	1	11			86	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN HÙNG	RC6	68-69	2	18			72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM BA KHANH *	RC6	72	1	14			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	15	1.074	19	102	2	21	12		
2	RC6	6	448	7	67	2	30	10		
TOTAL		21	1.522	26	169	4	51	22		
WEIGHT KG			1.522		169		51			

GRAND TOTAL: 1.742 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO

Pax (*) mang sac du phay.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO:RP3 - RP1	CREW: VTHẮNG - MTHAO - NNAM	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/0361	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HIỆU	RP3	100	1	4			56	PSV	Vietnamese
2	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	19	1	8			64	PSV	Vietnamese
3	ĐỖ NGỌC QUI	RP3	20	1	4			54	PSV	Vietnamese
4	ĐINH MAI THIÊN	RP3	32	1	12			73	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG PHONG	RP3	50	1	9			68	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC DUY	RP3	84	1	8			68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒ QUANG	RP3	88	1	9			60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN THANH TÙNG	RP3	91-92	2	12			76	XAYLAP	Vietnamese
9	VU TRUNG KIEN	RP3	21	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN THỊNH	RP3	95	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MINH TRUNG	RP3	93	1	15			83	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ NHẬT TÂM	RP3	500	1	6			63	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG TUẤN	RP3	94	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
14	HỒ SỸ TRUNG	RP3	83	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN QUYÊN*	RP3	86	1	8	1	16	72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	87	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
17	VÕ HOÀNG HAI	RP3	98-99	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN KHÔI	RP3	17	1	9	1	14	55	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TUẤN ANH	RP3	96	1	10	1	14	70	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI VAN LONG	RP3	285	1	3			73	PSV	Vietnamese
21	TÔ CÔNG TẠNH	RP1	21	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	20	1.359	22	189	3	44	2		
2	RP1	1	65	1	4	0	0	19		
TOTAL		21	1.424	23	193	3	44	21		
WEIGHT KG			1.424		193		44			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO